

THÔNG TƯ

Quy định Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng tại Lưu trữ lịch sử

Căn cứ Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư quy định Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng tại Lưu trữ lịch sử.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng đang bảo quản tại Lưu trữ lịch sử.

2. Thông tư này áp dụng đối với các Trung tâm Lưu trữ quốc gia thuộc Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước và Trung tâm Lưu trữ lịch sử thuộc Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Lưu trữ lịch sử).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài liệu hạn chế sử dụng* là tài liệu không thuộc Danh mục tài liệu có đóng dấu chỉ các mức độ mật nhưng có nội dung thông tin nếu sử dụng rộng rãi có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; hoặc gây ảnh hưởng đến trạng thái vật lý của tài liệu lưu trữ và quy trình xử lý nghiệp vụ đối với tài liệu lưu trữ.

2. *Hạn chế sử dụng tài liệu* là việc người có thẩm quyền căn cứ vào nội dung thông tin tài liệu, tình trạng vật lý của tài liệu và yêu cầu xử lý nghiệp vụ đối với tài liệu lưu trữ cho phép hoặc chưa cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi quản lý.

Điều 3. Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng

1. Tài liệu về biên giới, chủ quyền lãnh thổ quốc gia
 - a) Tài liệu về tình hình an ninh chính trị khu vực biên giới quốc gia;
 - b) Tài liệu đàm phán với các nước về biên giới quốc gia;
 - c) Tài liệu địa bạ, địa giới hành chính của các đơn vị hành chính có đường biên giới quốc gia;
 - d) Tài liệu về xác lập, thực thi chủ quyền lãnh thổ quốc gia;
 - đ) Tài liệu thuộc các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và đề tài nghiên cứu khoa học về các vấn đề có liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia;
 - e) Tài liệu của cá nhân, tổ chức nước ngoài cung cấp có liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia.
2. Tài liệu về vấn đề dân tộc, tôn giáo
 - a) Tài liệu có nội dung thông tin về hoạt động kích động, chia rẽ đoàn kết dân tộc, tôn giáo;
 - b) Tài liệu về hoạt động tổ chức tôn giáo trái phép;
 - c) Tài liệu về hoạt động tôn giáo của tổ chức, cá nhân có liên quan đến an ninh quốc gia;
 - d) Tài liệu về tài sản do các tổ chức tôn giáo quản lý, sử dụng;
 - đ) Tài liệu thuộc các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và đề tài nghiên cứu khoa học có liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo.
3. Tài liệu về kinh tế - khoa học kỹ thuật
 - a) Tài liệu về hiệp định, hiệp ước giữa Việt Nam với các nước, các tổ chức quốc tế;
 - b) Tài liệu tổng hợp về điều tra tài nguyên, địa chất, khoáng sản, môi trường;
 - c) Tài liệu thiết kế các công trình trọng điểm quốc gia về kinh tế, an ninh, quốc phòng, văn hóa xã hội;
 - d) Hồ sơ xây dựng trụ sở của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp;
 - đ) Tài liệu liên quan đến bí mật kinh doanh;
 - e) Tài liệu về Việt Nam cho vay, viện trợ cho nước ngoài và vay, viện trợ của nước ngoài cho Việt Nam;



g) Tài liệu liên quan đến dự trữ quốc gia (dự trữ ngoại tệ, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý hiếm, lương thực);

h) Tài liệu về xuất khẩu, nhập khẩu các phương tiện, trang thiết bị, kỹ thuật phục vụ cho an ninh, quốc phòng.

4. Tài liệu về cải cách ruộng đất

a) Tài liệu có liên quan đến vấn đề quy kết trong cải cách ruộng đất;

b) Tài liệu sửa sai trong cải cách ruộng đất.

5. Tài liệu về vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao khác

a) Tài liệu chứa đựng thông tin xuyên tạc lịch sử; phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm vĩ nhân, anh hùng dân tộc; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức hoặc danh dự và nhân phẩm của cá nhân;

b) Tài liệu có nội dung thông tin liên quan đến quốc phòng và an ninh quốc gia;

c) Tài liệu của cá nhân, tài liệu do cá nhân sưu tầm được có nội dung ảnh hưởng đến lợi ích của quốc gia, dân tộc;

d) Tài liệu về các cuộc làm việc, đàm phán với đoàn cấp cao nước ngoài, báo cáo về công tác đối ngoại;

đ) Tài liệu về vấn đề di tản, ngoại kiều;

e) Hồ sơ giải quyết khiếu nại, tố cáo;

g) Hồ sơ thanh tra các vụ việc của các cơ quan, tổ chức;

h) Hồ sơ các vụ án hình thành sau Cách mạng tháng Tám năm 1945;

i) Tài liệu liên quan đến lịch sử chính trị của cá nhân.

6. Tài liệu về đời tư của cá nhân

a) Tài liệu về giá thú, ngoài giá thú;

b) Thư tín của cá nhân;

c) Hồ sơ gốc cán bộ, công chức, viên chức;

d) Tài liệu khác chứa đựng những thông tin thuộc bí mật cá nhân được pháp luật bảo hộ.

7. Tài liệu lưu trữ bị hư hỏng nặng hoặc có nguy cơ bị hư hỏng chưa được tu bổ, phục chế.


8. Tài liệu lưu trữ đang trong quá trình xử lý nghiệp vụ.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

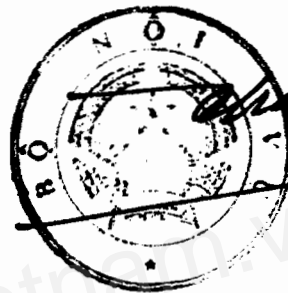
1. Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung Danh mục tài liệu hạn chế sử dụng tại Lưu trữ lịch sử để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh kịp thời về Bộ Nội vụ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung. / 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- UBND, Sở Nội vụ các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Website Bộ Nội vụ; Website Cục VTLTNN;
- Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước (20b);
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Thăng